

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày: 21 – 6 – 2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;
2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST-DS ngày 11/3/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-DS ngày 14/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 31/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L, địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Hồ Nguyễn Chí T, sinh năm 1992, là chuyên viên khách hàng tại chi nhánh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền.

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972, địa chỉ: số 56, cụm dân cư khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP Bưu điện L chi nhánh Đồng Tháp có ký 03 hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Thanh T, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 074/2014/ĐT/HĐTD-LienVietPostBank ngày 22/12/2014, số tiền vay 130.000.000đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thỏa thuận 12%/năm. Ông T đã trả, hiện còn nợ tiền vay là 15.820.000đồng.

Hợp đồng tín dụng số 404/2015/ĐT/HĐTD-LienVietPostBank ngày 24/12/2015, số tiền vay 70.000.000đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thỏa thuận 12,5%/năm. Ông T đã trả, hiện còn nợ tiền vay là 26.200.000đồng.

Hợp đồng tín dụng số 683/2016/ĐT/HĐTD-LienVietPostBank ngày 16/9/2016, số tiền vay 90.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thỏa thuận 13%/năm. Ông T đã trả, hiện còn nợ tiền vay là 58.500.000đồng.

Do đó Ngân hàng khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện yêu cầu Tòa án buộc ông T trả số tiền nợ vay là 119.227.526 đồng, trong đó số tiền gốc là 100.520.000đồng và tiền lãi: 18.707.526 đồng, gồm: lãi trong hạn 11.625.840đ, lãi phạt gốc: 5.700.311đồng, lãi phạt lãi: 1.381.374đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thanh T không có mặt nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng dạng tín chấp lương trả dần hàng tháng, mục đích vay tiêu dùng mua sắm đồ gia dụng với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện T là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy việc Ngân hàng khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện theo hợp đồng tín dụng, nên Tòa án đã nhận đơn và thụ lý là đúng quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, theo xác nhận của Công an thị trấn thì ông T có hộ khẩu, nhà vẫn còn tại địa phương, dạng đi đi về về, trốn tránh nghĩa vụ, mặt khác bị đơn cũng không thông báo về nơi cư trú mới, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015, xem đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 179

của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn không có mặt tại Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Theo các hợp đồng tín dụng số 074, 404, 683 thể hiện đều có chữ ký của ông T giao dịch với Ngân hàng, việc vay này có xác nhận của Chi cục thuế huyện T (là nơi ông T công tác khi ký kết hợp đồng), ngoài ra Ngân hàng còn cung cấp biên bản làm việc với ông T vì không trả nợ vay, Tại phiên tòa người đại diện khẳng định các chữ ký trong các văn bản trên là của ông T.

Do ông T không cung cấp lời khai, không tham gia hòa giải và tại phiên tòa cũng không có mặt. Do đó cần chấp nhận số tiền nợ gốc 100.520.000 đồng mà Ngân hàng yêu cầu.

Về tiền lãi 18.707.526 đồng mà Ngân hàng yêu cầu. Xét thấy: Ngân hàng yêu cầu 03 khoản: lãi trong hạn, lãi phạt gốc và lãi phạt lãi là chưa hợp lý, bởi lẽ: Đây là các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày 01/01/2017 (Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực) nên chỉ được tính lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng mới phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Theo khoản 5.3 Điều 5 của các hợp đồng tín dụng nêu trên quy định: “Nếu bên vay không trả nợ đúng hạn và không được bên cho vay đồng ý điều chỉnh kỳ hạn hoặc gia hạn nợ, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của khoản vay sẽ chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn”

Tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn thống nhất là các khoản nợ vay của ông T quá hạn từ ngày 11/9/2018. Việc thừa nhận này là phù hợp với bản sao kê chi tiết do Ngân hàng cung cấp.

Do đó, cách tính lãi trong hạn và quá hạn theo hợp đồng tín dụng sẽ là:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 074: ông T phải trả hàng tháng số tiền 2.700.000đ và lãi, đã trả được 42/48 tháng, đến tháng thứ 43 (từ ngày 11/6/2018 đến 10/7/2018) ông T chỉ trả được 780.000đ tiền nợ gốc và 48.151đ tiền lãi, sau đó không trả. Nên theo bảng kê của Ngân hàng thì:

+ Nợ vay gốc: 15.820.000đ.

+ Nợ lãi trong hạn tính từ 11/6/2018 đến 10/9/2018 (03 tháng):
 $420.036đ - 48.151đ = 371.885đ$.

+ Nợ quá hạn tính từ ngày 11/9/2018 đến ngày 21/6/2019: 9 tháng 11 ngày x $15.820.000đ \times 1,5\%/tháng = 2.222.710đ$

- Đối với hợp đồng tín dụng số 404: ông T phải trả hàng tháng số tiền 1.460.000đ và lãi, đã trả được 28/48 tháng, đến tháng thứ 29, 30 (ngày 10/5/2018 và ngày 11/6/2018) ông T chỉ trả tiền nợ gốc, sau đó không trả. Nên theo bảng kê của Ngân hàng thì:

+ Nợ vay gốc: 26.200.000đ.

+ Nợ lãi trong hạn tính từ 10/4/2018 đến 10/9/2018 (05 tháng):
1.391.367đ

+ Nợ quá hạn tính từ ngày 11/9/2018 đến ngày 21/6/2019: 9 tháng 11 ngày x 26.200.000đ x 1,5625%/tháng = 3.834.479đ

- Đối với hợp đồng tín dụng số 683: ông T phải trả hàng tháng số tiền 1.500.000đ và lãi, đã trả được 19/60 tháng, đến tháng thứ 20, 21 (ngày 10/5/2018 và ngày 11/6/2018) ông T chỉ trả tiền nợ gốc, sau đó không trả. Nên theo bảng kê của Ngân hàng thì:

+ Nợ vay gốc: 58.500.000đ.

+ Nợ lãi trong hạn tính từ 10/4/2018 đến 10/9/2018 (05 tháng):
3.231.583đ

+ Nợ quá hạn tính từ ngày 11/9/2018 đến ngày 21/6/2019: 9 tháng 11 ngày x 58.500.000đ x 1,625%/tháng = 8.904.187đ.

Với cách tính trên, đáng lý ông T phải có nghĩa vụ trả 19.956.211đ tiền lãi và Tòa án sẽ điều chỉnh lại yêu cầu 03 khoản nợ lãi do Ngân hàng đưa ra. Tuy nhiên, tại phiên tòa Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T trả 18.707.526đ tiền lãi, là có lợi cho phía bị đơn, nên cần chấp nhận số tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng.

Do đó, buộc ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền 119.227.526 đồng (lấy tròn 119.227.500 đồng), trong đó: nợ gốc 100.520.000 đồng, lãi 18.707.500 đồng.

Từ những nhận định trên, nghĩ nên chấp nhận ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông T có trách nhiệm trả tiền thì phải chịu án phí, cụ thể: 119.227.500 đ x 5% = 5.961.375 đồng (lấy tròn 5.961.000đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 179 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng ; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L số tiền 119.227.500 đồng, trong đó: nợ gốc 100.520.000 đồng, lãi 18.707.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng: số 074/2014/ĐT/HĐTD-LienVietPostBank ngày 22/12/2014; số 404/2015/ĐT/HĐTD-LienVietPostBank ngày 24/12/2015; số 683/2016/ĐT/HĐTD-LienVietPostBank ngày 16/9/2016. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà

người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh T phải nộp 5.961.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L 2.732.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Hồ Nguyễn Chí T nộp thay) theo biên lai thu số BH/2017/0005514 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Trí Viễn
